

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH C**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Bá Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đại Tiến**.

2. Ông **Trần Đức Chiến**.

- Th- ký phiên toà: Ông **Đàm Nhật Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà **Bế Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020. Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 01 năm 2021; Giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vương Thị T**, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã L, huyện H, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Anh **Đặng Văn H**, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm G, xã L, huyện H, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2020, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2020 và biên bản hòa giải ngày 14 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn: Chị Vương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào ngày 23/10/2013 âm lịch, đến ngày 30/12/2014 thì cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh C. Sau khi kết hôn, chúng tôi vẫn đi qua lại hai nhà nội ngoại, đến khi bố

anh Hải mất năm 2016 thì anh H mới về ở rể tại nhà bố mẹ tôi, được một thời gian anh H tự làm nhà ra ở riêng tại xóm N. Ban đầu chúng tôi sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Anh H xin tiền tôi để đi chơi cờ bạc, rượu chè nhưng tôi không cho, nên có hai lần anh H đập điện thoại của tôi khiến cho tôi bị ám ảnh về bạo lực gia đình. Anh H còn có tính lười biếng, không chịu giúp tôi lo việc gia đình, khi nhờ anh H việc gì thì anh H tỏ thái độ khinh bỉ tôi và gia đình tôi. Thậm chí anh H có lời lẽ, hành động xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi và bố mẹ tôi. Anh H luôn tạo lý do để từ chối làm công việc gia đình. Có lần tôi gọi điện cho anh H để hỏi thăm anh, nhưng anh không nghe mà cho con nghe, khi con không nói anh H véo con khóc bắt con nói. Năm 2018, có lần anh H uống rượu say còn gọi điện chửi tục tôi và sui con không được gọi tôi là mẹ, và đi nói với làng xóm là khi tôi về không cho vào nhà, từ đó tôi không về nhà anh H nữa và sống ly thân với anh H cho đến nay.

Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, nên tôi vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tôi và anh Đặng Văn H có một con chung tên là Đặng Vương A, sinh ngày 13/11/2014, hiện đang ở với tôi và ông bà ngoại tại: xóm N, xã L, huyện H, tỉnh C, cháu hiện đang học lớp 1 Trường tiểu học L. Sau khi ly hôn nguyện vọng tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung không có. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 27/11/2020, và biên bản bản hòa giải ngày 14 tháng 12 năm 2020, bị đơn: Anh Đặng Văn H trình bày:

Tôi và Chị T tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi đi ở rể nhà chị T. Hai vợ chồng bàn nhau là cho vợ đi làm công nhân để có thu nhập trang trải cuộc sống gia đình. Trong quá trình đi làm công nhân, chị T có mua quần áo về cho con, nhưng không gửi tiền phụ giúp tôi. Chị T còn nói tôi suốt ngày ở nhà không làm việc, toàn rượu chè cờ bạc, đàn đúm tụ tập, còn hay lơ lửng. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng như lúc đầu. Từ ngày 01/01/2017 âm lịch, có mấy anh em đến chơi đợi đón giao thừa, chị T và con đi ngủ trước, đến giao thừa tôi vào buồng gọi con dậy, vô tình nghe tiếng điện thoại vợ tôi gọi cho người đàn ông khác, chị T gọi người đàn ông đó bằng chồng, sau đó bắt đầu tôi nảy sinh suy nghĩ, nhưng tôi không nói gì. Đến hôm mùng 02 tết, vợ chồng tôi cùng nhau đi ngủ và có quan hệ sinh lý, sau đó vợ tôi lấy điện thoại về nhắn tin, tôi bảo vợ đưa điện thoại cho tôi xem, nhưng vợ không đưa cho nên tôi giật lấy đập đi, rồi khác người khác ngủ, vợ thì ngủ với con, còn tôi ra ngoài ghé ngủ. Sáng hôm sau vợ vào nhà bố mẹ đẻ rồi đi mua điện thoại mới, vợ mang điện thoại về tôi lại đập tiếp. Cũng trong buổi sáng hôm đó mẹ vợ bị tai nạn giao thông, tôi có sang Trăm

xá, xã T đón mẹ về nhà. Sau đó chị T và em gái tên Y đưa mẹ đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện H rồi sau đó chuyển Bệnh viện Đa khoa tỉnh C, nhưng tôi không đi thăm được vì hai vợ chồng đang xích mích. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay, nhưng tôi vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Chúng tôi trong thời gian chung sống có một người con chung đúng như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn thì tôi đồng ý cho chị T trực tiếp nuôi con vì chị T có đủ điều kiện nuôi con hơn tôi, còn tôi không có đủ khả năng kinh tế để nuôi con, nhưng tôi vẫn sẽ chu cấp nuôi con theo khả năng của tôi.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung không có. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các điều 70,71,72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án chị T và anh H đều có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử là thực hiện đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vương Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Vương A, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng: Chị Vương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 28 và vụ kiện này thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

{2} Về nội dung vụ án: Chị Vương Thị T và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau vào năm 2013, hai bên có tình cảm yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày trong vài năm đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thường xuyên có mâu thuẫn do chồng hay ghen, không chịu làm ăn, ham chơi cờ bạc, rượu chè, không có tiếng nói chung trong gia đình. Thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay, chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

{3} Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn thấy: Mọi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng có trách nhiệm vun vén, yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Tuy nhiên với hôn nhân của vợ chồng chị T anh H thì mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nay, anh H là người chồng không có trách nhiệm trong gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, cũng như xác minh tại địa phương thấy anh H thường xuyên đi chơi uống rượu, không chăm chỉ lao động. Tại các lần hòa giải Tòa án luôn tạo điều kiện cho hai bên tự trao đổi để xem xét lại tình cảm của mình quay lại chung sống với nhau, nuôi dạy con. Tuy nhiên chị T trình bày đã tạo điều kiện cho anh H rất nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng anh H chứng nào tật đấy không thay đổi bản tính, chị T không còn tình cảm không muốn chung sống với anh H nữa. Hiện tại anh chị đã sống ly thân được ba năm, tại phiên tòa cũng đã tiến hành hòa giải để các bên suy nghĩ quay lại chung sống với nhau để nuôi dạy con, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn không thể quay lại chung sống với anh H, anh H cương quyết không ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vương Thị T là phù hợp.

{4} Xét yêu cầu về quan hệ con chung thì thấy: Chị Vương Thị T xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Đặng Vương A, sinh 13/11/2014. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi con chung không yêu cầu anh Đặng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Đặng Văn H trình bày nếu ly hôn anh nhất trí cho chị T nuôi con chung vì hiện nay chị T có điều kiện kinh tế hơn anh, ngoài ra chị T còn có bố mẹ để giúp đỡ, bản thân anh hiện nay không có đủ khả năng kinh tế để nuôi con, nhưng anh vẫn sẽ chu cấp nuôi con theo khả năng cho phép. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Đặng Vương A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành

là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

{5} Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

{6} Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{7} Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” của chị Vương Thị T đối với anh Đặng Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19/2014 (quyển số 01), ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh C).

2. Về quan hệ con chung: Chị Vương Thị T và anh Đặng Văn H có một người con chung tên là Đặng Vương A, sinh ngày 13/11/2014.

Giao cháu Đặng Vương A, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét gì thêm.

4. Về án phí: Chị Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh C theo biên lai thu tiền tạm ứng số AB/2012/01411 ngày 02 tháng 11 năm 2020. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Đặng Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- L- u HSVA.

Nguyễn Bá Thanh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đại Tiến

Trần Đức Chiến

Nguyễn Bá Thanh

